

**ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA TỪ NGỮ THÔNG TỤC
QUA LỜI THOẠI NHÂN VẬT TRONG TIỂU THUYẾT
CỦA CHU LAI**

**CHARACTERISTICS AND ROLE OF COLLOQUIAL WORDS THROUGH
THE DIALOGUE OF CHARACTERS IN THE NOVEL OF CHU LAI**

**NGUYỄN THỊ THÁI
(NCS; Đại học Vinh)**

Abstract: The clearest characteristics of character's language in the novel of Chu Lai is the system of colloquial words appearing repeatedly, with word frequency used many times in dialogues (personal pronouns, obscene words, abusing words). The dialogue with colloquial words contributed to creation of the characteristics of the soldier and the style of writer in works about the soldier.

Key words: Chu Lai; colloquial; character; dialogue.

1. Hiện còn nhiều ý kiến khác nhau về từ ngữ thông tục (colloquialism), nhưng cách hiểu phổ biến cho rằng, đây là lớp từ phổ dụng trong giao tiếp bằng lời nói tự nhiên (còn gọi là khẩu ngữ), đại đa số có gốc thuần Việt; khi sử dụng từ ngữ ít có sự trau chuốt gọt giũa, tu từ; thể hiện trực tiếp suy nghĩ, tình cảm cá nhân người sử dụng trong nói năng thường nhật... Trên đại thể, lớp từ ngữ thông tục gồm những nhóm như: các từ địa phương (*rứa, mô, tụi bay, nhứt định...*); các từ ngữ tình thái, bao gồm: chỉ sự thân mật, suồng sã, biểu cảm (*Cái nhà anh này, mẹ nhà tôi; nè chú, trời ơi, làng nước ơi; à, ừ, nhì, nhé*); từ ngữ tục, lời chửi (*đ. mạ, cứt; thằng chó con, cha bố cậu*); các quán ngữ đưa đẩy (*thôi thì, thì đã đành là vậy, của đáng tội, đánh đùng một cái, nói khí vô phép*); v.v...

Tác phẩm văn học thuộc phong cách viết, tức là phong cách sử dụng ngôn từ có sự chọn lọc, trau chuốt, gọt giũa. Tuy vậy, trong các sáng tác của mình, bên cạnh việc sử dụng lớp từ thuộc phong cách viết, nhà văn có thể sử dụng lớp từ thuộc phong cách nói, trong đó có lớp từ ngữ thông tục. Nhưng phạm vi sử dụng lớp từ ngữ thông tục trong tác phẩm văn học là có điều kiện, tức là chúng chỉ xuất hiện ở ngôn ngữ nhân vật (phản hội thoại, mang phong cách nói) mà hầu như không xuất hiện trong ngôn ngữ tác giả (phản dẫn thoại, trần thuật, mang phong cách viết).

2. Tác phẩm của Chu Lai chủ yếu là thể loại tiểu thuyết viết về chiến tranh; nhân vật của ông xoay quanh số phận người lính

trong và sau chiến tranh. Khi khảo sát ngôn ngữ trong tiểu thuyết của nhà văn Chu Lai, cảm nhận đầu tiên của người đọc là tác giả dùng một cách diễn đạt bộc trực, giọng điệu mạnh mẽ, dứt khoát, không có hiện tượng lưng chừng “nước lợ”; sắc điệu ngôn từ mang tính chất đa thanh, soi tỏ nhiều lĩnh vực cuộc sống giúp cho người đọc có thể tìm thấy nhiều vỉa tầng thú vị, dù đó là ngôn ngữ của tác giả hay ngôn ngữ của nhân vật. Để tạo nên phong cách ngôn ngữ nhân vật không thể không nói đến hệ thống ngôn từ mà nhà văn đã sử dụng qua các lời thoại.

2.1. Khảo sát các tiểu thuyết Chu Lai có thể thấy số lượng lời thoại xuất hiện từ thông tục của nhân vật có số lượng và tần số sử dụng khá lớn so với hệ thống từ khẩu ngữ trong tác phẩm. Chẳng hạn: Ở tiểu thuyết *Án mày dĩ vãng*, lời thoại có sử dụng từ thông tục là 156 lần, chiếm 5,0% trong tổng số các từ khẩu ngữ thống kê trong tác phẩm; ở tiểu thuyết *Vòng tròn bội bạc* là 134 lần, chiếm 4,6%; ở *Ba lần và một lần* là 155 lần, chiếm 4,8%; ở *Gió không thổi từ biển* là 142 lần, chiếm 5,9%; ở *Cuộc đời dài lắm* là 188 lần, chiếm 4,3%; ở *Sông xa* là 134 lần, chiếm 4,8%; ở *Phố* là 136 lần, chiếm 6,9%.

Để tìm hiểu rõ hơn về vốn từ thông tục sử dụng cho ngôn ngữ nhân vật, chúng tôi tiếp tục khảo sát các loại từ ngữ thông tục của ngôn ngữ nhân vật trong tiểu thuyết Chu Lai qua lượt từ được dùng. Kết quả thống kê cho thấy: số lượng từ xưng hô là 620 từ, chiếm 20,4% tổng số từ thông tục được khảo sát trong 7 cuốn tiểu thuyết của Chu Lai, từ tục: 666 từ, chiếm 21,9%; lời chửi: 260, chiếm 8,5%; từ ngữ rào đón đưa đẩy: 510 từ,

chiếm 16,7%; từ *địa phương* là 981 từ, chiếm 32,3%. Qua số liệu thống kê hệ thống từ ngữ thông tục cho thấy cách dùng có chủ ý để thể hiện tính đặc thù trong ngôn ngữ nhân vật của nhà văn Chu Lai. Trong bài viết này, chúng tôi tìm hiểu hệ thống từ ngữ thông tục giới hạn chủ yếu ở nhóm từ *xung hô*, từ ngữ tục và lời chửi thể hiện qua ngôn ngữ nhân vật trong tiểu thuyết của Chu Lai.

2.2. Việc các từ ngữ thông tục xuất hiện với một số lượng dày đặc như con số thống kê trên đã làm cho ngôn ngữ tác phẩm nói chung, ngôn ngữ nhân vật của nhà văn Chu Lai nói riêng bộc lộ tính cách của từng nhân vật, đặc biệt là nhân vật người lính, qua đó thể hiện chủ đề của tác phẩm, phản ánh hiện thực cuộc sống mà nhà văn đã tái hiện, miêu tả.

2.2.1. Đặc điểm đầu tiên là các từ *xung hô* (gồm các đại từ nhân xưng, các từ khác dùng để xưng hô) của lời nói thường hàng ngày xuất hiện khá dày đặc ở lời thoại nhân vật trong tác phẩm của Chu Lai. Cụ thể:

Trong ***Gió không thổi từ biển***: Cái nhà anh này, cô em, cô kia, thằng nhỏ, cha, ông bạn, mẹ nhà tôi, bà nhà tôi, bà Tư Mập, chúng nó, má con nó, con vợ, sắp nhỏ, bà xã, anh Ba, mày, tao, bọn mày, các ông, hấn, người đàn bà, bà này, chúng mình, bác, cô Bảy, lão già, chú mày, mấy thầy, cha nội, kẻ non gan.

Trong ***Ấn mày dĩ vãng***: Anh Hai, tụi em, mày, thằng Ba, con nít, chị Ba, con nhỏ, Ba Sương, tôi, tao, anh em mình, má thằng Hùng, thằng con mẹ, con khếch, cậu, đồng chí, ông, cô, tụi em, cha nội, chú mày, mình, cô ấy, ông bác sĩ, đồ tể, ả, bọn bay, lão tiền bối, bà vợ tôi, thằng lính, bà ấy, người đàn bà i nóc, nó, mấy cha, cánh đàn bà bọn này, bác sĩ con mẹ gì, Hùng trời gằm, Hùng ác ôn, ông cố nội, lão khộm, Thằng Ba Thành, con khộm già, các bạn, cha nó, thằng ăn

mày, cô bé xinh đẹp, thằng cha này con giống, thằng cha nước lợ, con đàn bà.

Trong ***Ba lần và một lần***: Chú Sáu Nguyễn, Út Thêm, cháu, chú, hấn, ba cháu, hai chú cháu, con gái, tiểu thư, nhóc tì, con nít gái, mày, con nhỏ cháu, mấy con ranh, bé con, nhỏ Út, con bé, thằng cha, cái con khi, cha tao, anh Sáu, anh Hai, thằng Ba Mập, ba Đẩu này, mấy ả sồn sồn, ông anh, cái thằng tôi, Út ơi.

Trong ***Cuộc đời dài lắm***: ông anh, cái cậu này, nhà chị, thằng trọng tài mặt con gái, bố mày, này, người hùng người hiếc gì đẩu, Tuấn tử thân, đũa, lũ đàn bà, thằng cha, bà chủ, nhà chị, thằng em, Thủy, bọn em, thằng nhỏ, chị em, con gái trời gằm, lão dờ người, thằng bậm trợn, ông mãnh...

Trong ***Vòng tròn bội bạc***: Thằng, hai ông bà già, Huấn còi, bọn mình, nhà mình, cô chủ, chú em nhà báo, chú mày, mày, tao, thủ lĩnh da đỏ, ấy, mẹ xã tớ, cô nàng, thiên thần, thằng cu, người đẹp, nhà báo...

Trong ***Phố***: Minh ơi, cậu Lãm cái nhà anh này, tớ, vợ chồng cậu, ông nỡm, đàn ông đàn ang...

Trong các lời thoại, bên cạnh việc xuất hiện các từ xưng hô trên là các từ ngữ mang tính khẩu ngữ vốn chỉ dùng trong giao tiếp tự nhiên hàng ngày, cũng được các nhân vật dùng trong nhiều ngữ cảnh. Chẳng hạn ở *Ấn mày dĩ vãng*, không ít lần qua ngôn từ, người ta có cảm giác sờ nắm được hiện vật qua cảm nhận của nhân vật: “Mùi cá, mùi mắm, mùi nước đái, mùi xào nấu, mùi sống nước và mùi lưu manh dĩ điểm lảng vảng cả đêm bủa vây lấy tôi, muốn nuốt chửng, hòa tan thể xác tôi vào cảnh đời bụi bặm và trường tồn ấy. Thì tôi đã thói rữa ra trong hàng trăm những cảnh đời đen bạc, uế tạp đó rồi sao?” (tr.50). Trong ngôn từ của nhân vật Hai Hùng (nhân vật chính trong *Ấn mày dĩ vãng*), các từ ngữ xuất hiện trong các lời đối đáp mang đậm chất đời thường, khẩu ngữ,

nghĩa là chúng trực tiếp, nói thẳng vào nội dung, ít thấy các từ ngữ được sử dụng mang màu sắc tu từ, chọn lọc trau chuốt như ngôn ngữ miêu tả, ngôn ngữ tác giả mà ta vẫn thường thấy trong tác phẩm văn chương. Đó là khi nhân vật ở trong chiến hào với những tình huống ác liệt, đối diện với cái chết. Nhân vật Hai Hùng phản ứng khi có người hỏi thăm mình: “*Thăm hỏi cái quái quỷ gì lúc này! Đây là chuyện sống chết mắt còn chứ không phải cái trò đực cái trắng hoa. Mà vẫn còn cái lối ủy mị rùng rợn à ư là không trụ được ở vùng rừng lồm ác nghiệt này đâu. Đi!*” (tr. 34).

Tác giả đã để nhân vật nói về việc đi tiêu tiện của người con gái:

- *Trời! Làm thì làm đại đi mà! Cứ tắt xòe, tắt xòe mãi nghe như tiếng rút chốt tạc đạn, ớn cái xương sống lắm!*” (tr.222, *Ăn mày dĩ vãng*).

Cái âm thanh sinh học được miêu tả qua ngôn ngữ của âm thanh đùa vui, ví von đã xóa nhòa ranh giới ngưỡng chừng cho người con gái trong chiến tranh, nơi mà chỉ ít phút nữa thôi sẽ biến thành bãi chiến trường đầm máu, và người con gái ít phút trước còn đỏ mặt và cười xòa bởi câu nói của đồng đội trở thành cái xác nát bấy trước sự tàn ác của quân giặc.

Hầu hết trong các tiểu thuyết của mình, Chu Lai dù ít hay nhiều nói đến những điều tế nhị, kín đáo; với tác giả, không có vùng ngôn từ nào là kiêng kỵ, miễn làm sao nó nói được thấu triệt tư tưởng tình cảm của mình. Chẳng hạn, khi miêu tả cái chết bi thảm trong một cảnh huống trở trêu đau đớn đến tận cùng của người con gái giao liên mà mới vừa tới qua thôi cô còn hạnh phúc trong vòng tay của người yêu, nhà văn đã đặc tả những chi tiết rất thực tế để làm nền cho lời thoại:

“... Thu chỉ còn là cái xác lỏa lồ, chân tay dẹo dẹo nằm trong một tư thế kỳ dị. Rừng

xanh, đất xanh, trời xanh... Da thịt sao trắng thế? Mái tóc xoải dài, chấm ngọn xuống xuôi, đen đến tức tưởi. Tưởng như cô đang nằm ngủ hờ hênh sau một đêm giao liên dẫn khách kiệt sức và sắp tỉnh dậy, cười thẹn thùng, vắn lại tóc nếu như giữa cặp đùi trắng muốt hơi chằng ra của cô, ở chỗ kín không có một chiếc cọc sần sùi, vật nhọn cắm sâu vào, xuyên tới đất... Máu đỏ như sơn nhều xuống tận bắp chân, bắn từng giọt lên bụng, lên gò ngực vẫn no tròn cái sự sống mới nứt, tạo thành những cánh bằng lăng ma quái vừa ở đâu đó trên cao rụng xuống” (tr.143, *Ăn mày dĩ vãng*).

Trước hoàn cảnh ấy, lời thoại của nhân vật không thể không sử dụng đến những yếu tố dứt khoát để giải quyết tình huống:

“ - **Đồng chí** y tá! Hùng cũng sắp mặt - Đây là lệnh, đồng chí không được can thiệp vào. Anh em đâu? **Thằng** Khiển, **thằng** Vượng đâu? Cả **thằng** Tuấn **khốn nạn** kia nữa, mày ngồi **chết giẫm** ở đó à? Mang nó ra hố pháo chôn ngay!” (tr.79, *Ăn mày dĩ vãng*).

Những từ như *khốn nạn*, *chết giẫm* xuất hiện trong lời thoại, cùng với giọng điệu, cách nói chua chát, có vẻ như vô tư lạnh lùng lại ẩn sau đó là một tình cảm dồn nén sự đau đớn, để thúc đẩy những người lính vượt qua mất mát vững bước đi tiếp trong cuộc chiến sinh tử này.

Thảm kịch của chiến tranh hiện lên qua lời thoại của người trung đội trưởng miền Bắc nổi tiếng gan dạ khiến người đọc đau đớn xót xa hơn khi lời thoại ấy sử dụng hàng loạt từ mang sắc thái đánh giá chủ quan, suồng sã, phàm tục:

“*Không thấy. Chắc cũng chết rồi. Chỉ còn hai thằng tôi thôi. Ái! Các cô làm cái chó gì thế? Nhẹ tay thôi, đểch nhìn thấy xương đùi đằng này đã bị gãy rời đây à?... Chắc ông ấy tiêu rồi. Trước khi thoát ra được, tôi còn nhìn thấy ông ấy hai tay hai sung bắn trả về*

phía chúng nó dữ lắm. Vừa bắn vừa gằm lên như phát điên phát dại... Kìa! **Đã bảo** nhẹ tay chứ! Ông đi... cho bằng nửa bây giờ!” (tr. 47, Ăn mày dĩ vãng).

Lời thoại của người lính vừa trải qua cuộc chiến tái hiện những mắt mát, chết chóc và sự gan dạ hi sinh của đồng đội. Người đọc không còn thấy yếu tố tục trong lời chửi mà chỉ còn sự xúc động trước tấm gương gan dạ của anh mà thôi.

Thảm kịch chiến tranh đến qua hai hình hài đầm máu rách nát và nhoe nhoét, cả đại đội bàng hoàng ngơ ngẩn, những tiếng khóc bật qua kẽ tay bụm chặt. Để xóc lại tinh thần cho đồng đội, không hơn gì là phải có tiếng nói mạnh mẽ trấn an tinh thần cho tất cả: “- Khóc cái gì mà khóc hả, **mấy con ranh** này! Không lo đưa thương binh ra trạm phẫu rồi nhanh chóng về củng cố lại hầm hào, để chúng nó thông thốc đánh vào **thì rồi là** còn khóc nữa. Làm **lẹ đi!** (tr.48, Ba lần và một lần).

Ngôn ngữ nhân vật trong đời thường, trong cuộc sống trở về sau chiến tranh cũng được nhà văn chú ý, khắc họa để làm rõ bản chất của từng nhân vật. Nếu như ở lời thoại của Sáu Nguyễn thể hiện sự bàng hoàng của nhân cách thì ngôn ngữ của Năm Thành, với những từ phạm tục xuất hiện trong lời thoại đã bộc lộ bản tính của con người: **Trai gái đi bọm hay là trộm cướp, chích choác, hả?** - Cút ngay, cút! Từ giờ phút này **tao** thề là không có **thằng con như mày** nữa. Thà tao nuôi **con chó** còn biết trung thành hơn với chủ. Cút! Tao không muốn trông thấy **cái mặt phản trắc, đểu giả** của mày nữa. Anh ta nói với vợ: - **Tất cả chỉ tại cô, một con đi già!** Ngày ấy tôi không **lôi** cô ra khỏi **cái vùng nước đái chó ấy** thì đời cô bây giờ đã thành cái xác thối giữa rừng rồi. Cô yêu thương cái **thằng trông như vượn dục** của cô lắm kìa mà, sao ngày ấy cô không **khấn** gói

vào rừng với nó đi, cô **lại cứ quặp chặt** lấy tôi. Tôi khinh bỉ cô! Khinh bỉ tất cả và tôi cũng khinh luôn cái gọi là bảo lãnh, **cưu mang của ông già cô** (tr.327, Ba lần và một lần).

2.2.2. Ngôn ngữ nhân vật trong tác phẩm của Chu lai xuất hiện tần số khá cao các **lời chửi, câu chửi**. Chửi là hành vi kiêng kị trong giao tiếp, nhưng trong những ngữ cảnh nhất định, nó lại hữu dụng. Ví dụ:

Trong **Ăn mày dĩ vãng**: Mẹ kiếp, đồ ăn mày, thằng khốn, cút xéo, thằng súc sinh, khốn nạn, thằng ngu ngốc, đồ y tá lang băm, mẹ nó, thằng hèn, đồ khốn, im cái mồm, kệ mẹ tôi, đồ dã man, mẹ mày, cha trời, con mẹ họ, tiên sư chúng mày, thằng con mẹ.

Trong **Gió không thổi từ biển**: Thằng điên, đồ con bò, ác hơn con hổ trên rừng, đồ ăn hại, thằng mọi, đồ đĩ rựa, con mẹ nó, im mồm đi, khốn nạn, đồ rắn độc, đồ mặt vụ, đồ cảnh sát hạng bét, đồ ngu, mẹ kiếp, thằng phản bội.

Trong **Ba lần và một lần**: Im mồm, dốt, đồ đểu, đồ khốn nạn, đ. mẹ, má mày, đẹp mẹ nó, má thằng bạc nghĩa vô tình, chết đập chết dúi, đ. má thằng già, đồ ăn cháo đái bát, chó má súc vật, con đĩ già, ông nội mày, con mẹ mày, con bồ mắt nết.

Trong **Cuộc đời dài lắm**: bỏ mẹ, cút, mẹ khỉ, mẹ chị, bố thằng nào, thằng khốn nạn, đồ đạo đức giả, đồ khốn nạn, con mẹ nhà ông, má thằng bạc nghĩa vô tình, đ. má thằng già, thằng ngu, ngu đại, dờ hơi, thằng khốn, cút khi nhà tao, khốn nạn, mẹ nó, đồ dâm tình, bịp bợm, thằng đại gái, đồ ăn cháo đái bát, tiên sư ông, con mẹ ông...

Có lẽ trong bối cảnh của chiến tranh, nếu như không có những tiếng chửi như khích lệ người lính xông trận thì chắc họ sẽ khó vượt qua sự khủng khiếp của chiến tranh kia. Đoạn thoại sau đây nói về tình huống bị phục kích bất ngờ, cả đội hình rối loạn và

nhanh chóng bị xé nát đến tan tác, thảm hại. Trong lúc ấy, có một cái bóng chiến sĩ chạy ngược trở lại mà không chịu tiến công. Hai Hùng nói với ông phó bí thư quận ủy Hai Tiến: - **Thằng khốn! Chạy đi đâu? Mày bỏ bạn bè, đồng đội đi đâu?** Cái bóng nói hào hển, sặc sụa mùi thuốc thơm ru-bi: - *Ấy cậu... Đồng chí! Tôi... Tôi đây mà. Tôi là Ba Tiến, phó bí thư quận ủy đây mà. Bỏ... Bỏ tay ra đi, kéo người ta thấy... Kia! ... - Chạy như chó mà xưng là bí thư. Nhục!*

- *Này đồng chí!* - Cái bóng cố gượng dậy, hai cẳng chân để trần va đập lục cục - *ăn nói cho có tổ chức. Ai là chó hả? Láo! Tất cả đều chạy, bộ đội của đồng chí cũng chạy chứ riêng gì tôi. Láo! Láo quá! Phải giáo dục thế nào chứ không thì... - Cút! Cút về phía sau mà giáo dục. Cút!* (tr.36, 37).

Chiến tranh ác liệt, mất mát, thương vong, nếu không có những con người sẵn sàng hy sinh và thẳng thắn, bộc trực như Hai Hùng thì chắc dân tộc không có chiến thắng thần thánh như vậy. Những từ thông tục: *Thằng khốn, chạy như chó, nhục, láo, cút...* được dùng trong các câu thoại tỏ ra phù hợp tâm trạng của người trong cuộc và ngữ cảnh giao tiếp. Qua đó cho người đọc thấy được tình huống sinh tử của chiến tranh là như thế nào, ngôn ngữ cần phải diễn đạt ra sao.

Đây lại là đoạn đối thoại của hai người lính khi chứng kiến quá nhiều cái chết, tình thế bị mắc kẹt, đòi hỏi phải có hành động mau lẹ: - *Sao thế Tuấn? Rút chứ! Muốn ăn phản pháo à? - Kệ mẹ tôi. Anh rút trước đi. Tôi nắm ngực áo nó đứng đây: - Lại định giở trò hả? Rút! - Đồ dã man!* (140, *Ấn mào dĩ vãng*).

Thứ ngôn từ tưởng như dung tục phản cảm ấy lại thể hiện một tội ác và những nỗi đau. Nỗi đau ấy thuộc về con người Việt Nam, đối tượng hứng chịu hậu quả, là những người như Tuấn, Hùng... và giờ đây đang bị

đẩy đến tận cùng của sự thảm khốc. Sự tàn khốc của chiến tranh khiến những người can trường nhất cũng có khi lung lạc yếu lòng. Anh dũng nhất cũng là những người chiến sĩ và đôi khi hèn nhát nhất lại cũng là chính một số trong họ. Chu Lai đã xoáy sâu vào sự thật của cuộc chiến bằng những từ ngữ tưởng như thông tục kia, cách nói đanh gọn, riết róng kia để rồi đằng sau lớp từ ngữ ấy, giọng điệu ấy là cả thế giới tâm trạng của nhân vật in hình trên sự nghiệt ngã của chiến tranh.

Nhân vật Hai Hùng, trở về từ cuộc chiến với một hình hài gầy gò, ốm yếu, không vợ, không con, không hiện tại và tương lai, chỉ có mảnh quá khứ phập phồng đập trong lồng ngực. Ở nhân vật này là hiện thực một thời đã được thấm thấu với cuộc sống muôn nẻo cam go của người lính trong cơ chế thị trường ác liệt hơn chiến trường năm xưa. Vì thế ngôn từ trong lời thoại của nhân vật cũng mang sắc thái riêng không dễ gì khuất phục như khi trả lời tên vệ sĩ: - *Hết muốn đái rồi. Có sao không? - Tôi vênh mặt lên*” (tr. 23, *Ấn mào dĩ vãng*). Hay ở tình huống nhân vật dùng những câu cầu khiến để bảo vệ Ba Sương: - *Bỏ cô ấy ra! Bỏ ngay ra rồi cút đi đâu thì cút. Mày không thấy cô ấy đang có một vết thương ở đầu à? Bỏ!* (tr.335, *Ấn mào dĩ vãng*).

2.2.3. Các từ ngữ tục cũng thuộc nhóm kiêng kỵ trong giao tiếp, thế nhưng Chu Lai đã sử dụng khá nhiều từ tục xuất hiện trong các đoạn thoại giữa các nhân vật. Ví dụ:

Trong *Ấn mào dĩ vãng* là: *Bóp dái, đéch, sút môi lồi rốn, dái, rặn ỉa, ỉa dái, chạy như chó, đít, đánh đéo, con cặc, bừa dái, cu, chó dái, làm chó gì, cút thôi, con khặc, khổ như chó...*

Trong *Ba lần và một lần*: *cái chó gì, đéch, ông đ. cho, đàn ông chó dái, thiến mắt dái, con động đực, cái chim của mày, đống*

cút, bốc cút bốc dái mà ăn, vũng nước dái chó.

Trong **Cuộc đời dài lắm**: Đ.gì, dĩ non ngựa nghề, con đực đã bị thiến, ôm đít vợ, dĩ, chó nó tin, cái đít toàn trứng, đ. quên cái gì, ông là cút, cút dái, bỏ mẹ, thôi, con tườu, ỉa vãi, đại gái đến chảy nước dái ra...

Trong **Ăn mày dĩ vãng**, nhân vật Tuấn giơ hai tay lên cửa hầm để pháo tiện đút tay cho được trở về với mẹ, anh nói với Hai Hùng: Anh **đánh đéo** gì tôi? Mẹ anh chứ! Thế trận càn thẳng trước **thằng con mẹ nào** chúi đầu xuống hầm, một chân cứ giơ lên hứng đạn? Thằng nào? Thằng giơ chân trông oai hơn thằng giơ tay à? Lên mặt à? **Con cặc!** (tr. 107, Ăn mày dĩ vãng). Cũng hiếm tìm thấy ở tác phẩm nào cách nói đưa từ tục vào thế này: *Thế là vô sản. Tuyệt đối vô sản. Vô sản đến tận dái.* (tr.50). Trong **Ba lần và một lần**, nhân vật Hai Hùng có những lúc buông xuôi cho số phận thì với Sáu Nguyễn, cuộc sống hiện tại của anh là một chiến trường đấu tranh không khoan nhượng với cái xấu và cái ác, cho dù sau này anh có phải trả giá bằng tính mạng đi chăng nữa. Lời thoại của nhân vật thể hiện bản lĩnh của người từng một thời cầm súng. “Hòn than trong đầu Sáu Nguyễn từ nãy đã cháy lom dom, đến lúc này nó không thể âm ỉ được nữa, chọt bùng lên thành lửa. Anh vụt đứng dậy, móc hộp quẹt Zippo Mỹ còn giữ được, quẹt vào giữa mặt gã dâm tặc, giọng rung lên vì giận: *Bỏ cô ấy ra! Làm thằng đàn ông như vậy là rất nhục!* - *Cô về đi! Đối với loại đàn ông chó dái này, cô nên hết sức cẩn thận...*” (tr.119, Ba lần và một lần).

Đoạn thoại giữa Hai Hùng và Ba Thành sau mười năm gặp lại vẫn thấm đẫm chất lính tráng, bộc trực:

- *Bác sĩ con mẹ gì? Thế đồng chí là... Vất mẹ đồng chí đi! Minh đây, Hai Hùng đây! Chao ôi! Chả lẽ tớ già đến nỗi cậu không*

*còn nhân ra nữa ư? Đầu viên đạn M16 cậu lấy ra từ đùi, gấn bùi dái, tớ vẫn giữ được. Từ đùi? Ừ, đùi. Bùi dái? Ừ, dái? Vẫn còn giữ? Giữ. Thế thì **đù mẹ!** Nhớ rồi. Mà là thằng Hùng ác ôn, thằng Hùng trời gằm, đúng không? Nhưng sao lông rày mày già dữ vậy mày? Nếu không nói tới viên đạn mắc dịch ấy thì ông cố nội tao cũng không nhận ra..* (tr.107, Ăn mày dĩ vãng).

Ngôn ngữ nhân vật với cách miêu tả và sử dụng từ ngữ mạnh tay như vậy ta rất ít gặp trong các tác phẩm văn học trước 1975.

Bên cạnh ngôn ngữ nhân vật người lính, Chu Lai cũng chú ý sử dụng các từ ngữ tục thể hiện đặc điểm ngôn ngữ nhân vật phản diện, cùng với cách nói rất cộc lốc, đậm chất du côn, lính tây, đã khắc họa rõ tính cách nhân vật: - **Đù mẹ** bọn mọi ăn đất cát! - Bây giờ là tiếng chửi tục tằn vọng xuống - *Nhẹ không ư, ư nặng. Cơm không muốn ăn, **ăn cút!** Thân con lừa! Vậy tao cho bọn bay **chết mẹ** luôn. Lính đâu? Tao đếm từ ba đến một, không lên, bầm!* - *Ừa! Con Ba Sương chỉ huy xã đội đây mà. Phải là nó thì mới có bàn tay cụt ngón thế này. Tội hê! Việt cộng sử dụng cả đàn bà tạt vô rừng **làm dĩ. Dĩ cụt!** - Gọi hàng **cái con tườu!** Đánh mìn cho chết mẹ chúng nó đi, - Bài học **cái con cặc!**...* (tr. 207, Ăn mày dĩ vãng). Chỉ qua đoạn thoại trên, những từ thông tục được sử dụng đã tô đậm sự tục tĩu, đều cáng và phi nhân tính của nhân vật phản diện.

Có thể nói, vốn từ thông tục trong lời thoại của nhân vật đã góp phần phản ánh sự khắc nghiệt của chiến tranh, của đời sống xã hội rõ nét hơn. Qua ngôn ngữ nhân vật, ta thấy rõ người lính là những con người với những nhu cầu, khát vọng như những con người bình thường khác. Điều đáng trân trọng là trong chiến tranh, luôn phải đối mặt với gian khổ, hi sinh, chết chóc, từng có những phút mềm lòng nhưng họ vẫn hoàn

thành nhiệm vụ đánh giặc cứu nước. Cách dùng vốn từ thông tục trong lời thoại nhân vật đã thể hiện rõ phong cách, sở trường của nhà văn khi viết về chiến tranh và cũng tạo nên phong cách ngôn ngữ đậm “chất lính” trong thế giới nhân vật tiểu thuyết Chu Lai.

3. “Ngôn ngữ chỉ sống trong sự giao tiếp đối thoại giữa những người sử dụng ngôn ngữ. Sự giao tiếp đối thoại chính là lĩnh vực đích thực của cuộc sống của ngôn ngữ. Toàn bộ cuộc sống của ngôn ngữ, trong bất kì lĩnh vực nào sử dụng nó (sinh hoạt, sự vụ, khoa học, nghệ thuật v.v...) đều thấm nhuần những quan hệ đối thoại.” (M. Bakhtin; tr. 172). Qua tìm hiểu ngôn ngữ đối thoại giữa các nhân vật trong tiểu thuyết Chu Lai, có thể thấy rõ đặc điểm ngôn từ mà nhà văn sử dụng để khắc họa tính cách nhân vật và qua đó biểu đạt tư tưởng của nhà văn thể hiện rõ luận điểm trên của M. Bakhtin. Ấn tượng rõ nhất trong ngôn ngữ nhân vật của Chu Lai là hệ thống từ ngữ đời thường, mang đậm phong cách khẩu ngữ, xuất hiện dày đặc các lớp từ thông tục (các từ xưng hô hàng ngày; các từ ngữ đánh giá mang tính thân mật, suồng sã; các từ tục, lời chửi). Cách nói của các nhân vật trong các tác phẩm của Chu Lai cũng rất ngắn gọn, mạnh mẽ, không nói tránh mà trực diện, thái độ yêu ghét rõ ràng...

Có thể thấy, nhà văn Chu Lai đã đưa vào tác phẩm của mình những vấn đề nóng hổi của cuộc sống, của hiện thực trần trụi và khắc nghiệt với những mặt tốt, mặt tích cực và những mặt xấu, mặt tiêu cực theo một phong cách giọng điệu tự nhiên, sinh động. Tất cả được diễn đạt bằng một thứ ngôn ngữ rất sắc sảo, tự nhiên như lời nói hàng ngày. Nhưng đằng sau đó là mạch ngầm - dòng chảy của những triết lí nhân bản mà tác giả muốn gửi gắm qua từng trang viết về các nhân vật thấm đậm “chất lính” trong tác phẩm của nhà văn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. M. Bakhtin (1993), *Những vấn đề thi pháp Đôxtôiépki*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Chiến (1993), *Từ xưng hô trong tiếng Việt*, Việt Nam những vấn đề ngôn ngữ và văn hóa, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, Trường Đại học Ngoại ngữ, Hà Nội.
3. Nguyễn Thiện Giáp (1999), *Phân tích hội thoại*, Viện Thông tin Khoa học Xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Chí Hòa (2009), *Khẩu ngữ tiếng Việt và rèn luyện kĩ năng giao tiếp*, Nxb ĐHQG, Hà Nội.
5. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 25-04-2014)